



zhǔ gàn dào
主干道

noun · main road

Example Sentences

zhè tiáo zhǔ gàn dào hěn kuān

这条主干道很宽。

This main road is very wide.

chéng shì de zhǔ gàn dào zài gāo fēng qī jīng cháng dǔ chē

城市的主干道在高峰期经常堵车。

The city's main road often gets congested during peak hours.

Trace each character, then write the word on your own.

主	主	主	主	主	主	主	主				
干	干	干	干	干	干						
道	道	道	道	道	道	道	道	道	道	道	
道	道	道	道								